

**DỰ THẢO LẦN 2**

**THÔNG TƯ**

**Quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ  
kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng vụ Kế hoạch - Tài chính, vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (sau đây gọi chung là giá dịch vụ kiểm định).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giá tối đa* là mức giá do Bộ Xây dựng ban hành theo quy định của Luật Giá.
2. *Giá dịch vụ kiểm định* là mức giá cụ thể-khách hàng sử dụng dịch vụ kiểm định phải trả cho cơ sở đăng kiểm theo từng loại dịch vụ kiểm định quy định tại thông tư này (theo mức giá cơ sở đăng kiểm kê khai, niêm yết không vượt quá mức giá tối đa do Bộ Xây dựng ban hành).
3. *Hạng mục kiểm tra* là một đơn vị công việc hoặc một nội dung cụ thể cần được kiểm tra, đo lường, đánh giá hoặc xác minh theo tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật. Hạng mục kiểm tra có thể là một chi tiết, một hệ thống hoặc tổng thành của xe.
4. *Công đoạn kiểm tra* là tập hợp nhiều hạng mục kiểm tra nhằm phân công công việc cho đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định và thuận tiện trong quá trình kiểm tra xe.

### **Điều 4. Nguyên tắc và căn cứ định giá dịch vụ**

1. Giá dịch vụ kiểm định được định giá theo nguyên tắc và căn cứ quy định tại điều 21, điều 22 Luật Giá.
2. Mức giá tối đa do Bộ Xây dựng định giá, các cơ sở đăng kiểm tự quyết định mức giá dịch vụ kiểm định không vượt quá mức giá tối đa của Bộ Xây dựng ban hành.
3. Mức giá tối đa do Bộ Xây dựng định giá đã gồm thuế giá trị gia tăng 10%. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thay đổi thuế suất thuế giá trị gia tăng thì giá dịch vụ được điều chỉnh tương ứng theo mức thuế suất mới.

### **Điều 5. Quy định về cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ**

1. Đối với loại xe ô tô chở người có cùng khoảng cách trục nhưng được sản xuất hoặc cải tạo thành nhiều kiểu loại khác nhau về số người cho phép chở thì áp dụng giá dịch vụ kiểm định của kiểu loại xe có số người cho phép chở lớn nhất (thể hiện trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp).
2. Giá dịch vụ kiểm định không bao gồm giá dịch vụ kiểm định đối với các thiết bị nâng, thiết bị áp lực gắn kèm theo xe.
3. Giá dịch vụ kiểm định là giá chưa bao gồm các chi phí phát sinh khi kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm như: chi phí ăn ở, đi lại, thông tin liên lạc, chi phí vận chuyển thiết bị kiểm tra, thuê bãi đỗ (nếu có), đường kiểm tra hiệu quả phanh, chi phí nhân công tháo lắp thiết bị, nhân công di chuyển đến hiện trường kiểm tra... Các chi phí này sẽ do hai bên tự thỏa thuận, phù hợp với chi phí hợp lý, hợp lệ của cơ sở đăng kiểm.

4. Đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật thì giá dịch vụ được trừ đi chi phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

5. Đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá dịch vụ các lần kiểm định lại được tính như sau:

5.1. Trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được kiểm định lại ngay trong ngày:

- Giá dịch vụ kiểm định lại xe cơ giới được tính theo công đoạn kiểm tra (thực hiện theo 05 công đoạn theo quy định tại Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024), mỗi công đoạn kiểm tra lại thu bằng 20% mức giá dịch vụ kiểm định.

- Giá dịch vụ kiểm định lại xe máy chuyên dùng được tính theo hạng mục kiểm tra (gồm 20 hạng mục theo quy định tại Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 và QCVN 13:2024/BGTVT), theo tỷ lệ phần trăm/mức giá dịch vụ kiểm định xe máy chuyên dùng, cụ thể:

- + Kiểm tra dưới 04 hạng mục mức thu bằng 20%/giá dịch vụ kiểm định;
- + Kiểm tra từ 04 đến 06 hạng mục mức thu bằng 40%/giá dịch vụ kiểm định;
- + Kiểm tra từ 07 đến 10 hạng mục mức thu bằng 60%/giá dịch vụ kiểm định;
- + Kiểm tra từ 11 đến 14 hạng mục mức thu bằng 80%/giá dịch vụ kiểm định;
- + Kiểm tra từ 15 hạng mục trở lên mức thu bằng 100%/giá dịch vụ kiểm định;

5.2. Trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định, giá dịch vụ kiểm định thu bằng 100%.

6. Trường hợp phát sinh dịch vụ kiểm định mới chưa được quy định trong danh mục dịch vụ do Bộ Xây dựng ban hành thì giá dịch vụ do cơ sở đăng kiểm và người sử dụng dịch vụ tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức giá dịch vụ kiểm định cao nhất do Bộ Xây dựng ban hành.

#### **Điều 6. Kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá**

Cơ sở đăng kiểm cung cấp dịch vụ kiểm định thực hiện:

1. Nghĩa vụ kê khai giá dịch vụ kiểm định; nghĩa vụ thuế; quản lý, sử dụng tiền thu giá dịch vụ theo quy định của pháp luật.
2. Niêm yết giá dịch vụ kiểm định theo quy định tại điều 29 Luật Giá.
3. Công khai thông tin về giá theo quy định tại khoản 1,2,3 và 5 điều 6 Luật Giá.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ tư pháp);
- Cục ĐKVN;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT&VLXD.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Minh**